SAO Y; Ủy ban nhân dân thành phố Lai châu; 27/01/2022 15:12:55

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 117/QĐ-UBND	*Thành phố Lai Châu, ngày 27 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 1 dự án: Nâng cấp, cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước từ bản Tả Xin Chải tới ngã ba Duy Phong

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Nâng cấp, cải tạo Tuyến đường và hệ thống thoát nước từ bản Tả Xin Chải tới ngã ba Duy Phong;

Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021của UBND tỉnh Lai Châu V/v Ban hành Quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Nâng cấp, cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước từ bản Tả Xin Chải tới ngã ba Duy Phong;

Căn cứ Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của UBND thành phố Lai Châu về việc Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Nâng cấp, cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước từ bản Tả Xin Chải tới ngã ba Duy Phong;

Căn cứ Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND thành phố Lai Châu về việc Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Nâng cấp, cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước từ bản Tả Xin Chải tới ngã ba Duy Phong (phần điều chỉnh, bổ sung);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 62 /TTr-TNMT ngày 26 / 01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 1 dự án: Nâng cấp, cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước từ bản Tả Xin Chải tới ngã ba Duy Phong, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả bổ sung là: 125.643.082 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn không trăm tám mươi hai đồng).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	**125.643.082 đồng**
+ Về đất:	0 đồng
+ Về tài sản vật kiến trúc:	115.315.882 đồng
+ Về cây cối hoa màu:	10.327.200 đồng
+ Về chính sách hỗ trợ:	0 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban Quản lý dự án; Chủ tịch UBND phường Đông Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Xiêng

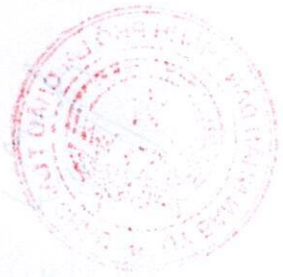

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ BỔ SUNG LẦN 1

DỰ ÁN: Nâng cấp, cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước từ bản Tả Xin Chải tới ngã ba Duy Phong

(Kèm theo Quyết định số: 117 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4*5*
A	**Tổng cộng**				**125.643.082**
I	**Chi trả cho chủ sở hữu**				**125.643.082**
1	*Về đất*				**0**
2	*Về tài sản vật kiến trúc*				**115.315.882**
3	*Về cây cối hoa màu*				**10.327.200**
4	*Về chính sách hỗ trợ*				**0**
B	**Chi tiết cho các hộ dân**				**125.643.082**
	PHƯỜNG ĐÔNG PHONG				
1	**Đối với hộ gia đình bà Đinh Thị Cậy (chồng Nguyễn Văn Úy)**				
	Địa chỉ thường trú: Bản Tả Xin Chải, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ				**2.079.520**
a	**Về đất**				
1	Diện tích thu hồi (tự nguyện hiến đất)	m^2			
2	Loại đất:				
2.1	Đất ở tại đô thị	m^2	10,90		
	Vị trí: Vị trí 1, đường nhánh cạnh nhà nghỉ Hoa Ban (Giáp BCH QS tỉnh), đoạn tiếp giáp đường 30/4 đến tiếp giáp trường Tiểu học San Thàng				
2.2	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m^2	7,10		
	Vị trí: Vị trí 1				
	Nguồn gốc sử dụng đất: Đất ông Nguyễn Văn Úy đã được cấp GCNQSD đất số **BQ532138**. Gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp. Phần diện tích chồng lấn lên đất giao thông và đất thủy lợi là do sai số và chưa chỉnh lý hồ sơ địa chính từ dự án trước. Trên thực tế gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp.				
b	**Về tài sản vật kiến trúc** (hỗ trợ theo Điểm c, Khoản 7, Điều 21, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu): Tài sản do ông Nguyễn Văn Úy xây dựng trước năm 2014, không bị lập biên bản về xử lý vi phạm về xây dựng, xây dựng đúng mục đích sử dụng đất, trước kế hoạch sử dụng đất, hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường)				**1.323.520**
1	Nền láng VXM dày 3cm (13*0,4)	m^2	5,20	39.600	205.920
2	Mái lợp tôn màu kể cả khung xà (8,0*1,0) (Ảnh hưởng)	m^2	8,00	139.700	1.117.600

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4*5*
3	Tấm đan bê tông cốt thép (1,0*0,9*0,1)*10	m^3	0,90	1.393.700	-
c	**Về cây cối hoa màu**				**756.000**
1	Cây sấu R>4 (độ phát tán bán kính trên 4m)	Cây	1,00	660.000	660.000
2	Chậu cây cảnh (tính hỗ trợ di chuyển)	Chậu	4,00	24.000	96.000
2	**Đối với hộ gia đình ông Thào Văn Phương**				
	Địa chỉ thường trú: bản Tả Xin Chải - phường Đông Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**32.025.196**
a	**Về đất**				
1	Diện tích thu hồi (tự nguyện hiến đất)	m^2	34,00		
2	Loại đất:				
2,1	Đất ở tại đô thị	m^2	6,80		
2,2	Đất trồng lúa 1 vụ	m^2	27,20		
	Vị trí: Vị trí 1, đường nhánh cạnh nhà nghỉ Hoa Ban (Giáp BCH QS tỉnh), đoạn tiếp giáp đường 30/4 đến tiếp giáp trường Tiểu học San Thàng				
	Nguồn gốc: Đất ông Thào Văn Phương đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **BM034622; BM034607** gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp.				
b	**Về tài sản vật kiến trúc** (hỗ trợ theo Điểm c, Khoản 7, Điều 21, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu): *Tài sản do ông Thào Văn Phương xây dựng trước năm 2013, không bị lập biên bản về xử lý vi phạm về xây dựng, xây dựng đúng mục đích sử dụng đất, trước kế hoạch sử dụng đất, hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường)*				**31.876.396**
1	Trụ cổng bê tông cốt thép (0,35*0,25*1,8)*3	m^3	0,47	1.393.700	658.523
2	Trụ cổng bê tông cốt thép (0,45*0,35*2,0)*2	m^3	0,63	1.393.700	878.031
3	Tường xây gạch đỏ T11cm (9,4*0,75)	m^2	7,05	273.900	1.930.995
4	Hàng rào sắt (Tính Hỗ trợ di chuyển = 30% đơn giá bồi thường hàng rào liền trụ) (9,4*1,1)+(5,3*1,1)	m^2	16,17	181.500	2.934.855
5	Cổng sắt (Tính Hỗ trợ di chuyển = 30% đơn giá bồi thường hàng rào liền trụ) (2,0*2,6)	m^2	5,20	181.500	943.800
6	Tường xây gạch đỏ T11cm (5,3*0,75)	m^2	3,98	273.900	1.088.753
7	Trát VXM không đánh màu ((9,4*0,75)+(5,3*0,75))*2	m^2	22,05	27.500	606.375
8	Lu sơn tường các loại ((9,4*0,75)+(5,3*0,75))*2	m^2	22,05	24.200	533.610
9	Móng tường xây đá (14,7*0,5*0,3)	m^3	2,21	392.700	865.904

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4*5*
10	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (19,6*1,0)	m^2	19,60	83.600	1.638.560
11	Lưới B40 (7,2*1,8)	m^2	12,96	25.000	324.000
12	Ống sắt Φ50 dày 1,2 ly	m	8,00	25.920	207.360
13	**Bóc tách cống thoát nước**				
13.1	Cống thoát nước bê tông cốt thép (Tính bằng tấm đan bê tông cốt thép) (40.0*0.65*0.1)*4	m^3	10,40	1.393.700	14.494.480
13.2	Nền bê tông đá dăm dày 5cm (40*0.7)	m^2	28,00	41.800	1.170.400
	Tài sản ảnh hưởng				
1	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	7,20	48.400	348.480
2	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (2,6*7,0)+(3,0*3,4)	m^2	28,40	83.600	2.374.240
3	Trụ cổng bê tông cốt thép (0,45*0,35*2,0)*2	m^3	0,63	1.393.700	878.031
c	**Về cây cối hoa màu**				**148.800**
1	Rau màu gối vụ (0,5*3,5)	m^2	1,75	9.600	16.800
2	Cây đào trồng hạt NT3	Cây	1,00	132.000	132.000
3	**Đối với hộ gia đình ông Vàng Văn Kết**				
	Địa chỉ thường trú: Bản Tả Xin Chải - phường Đông Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**510.510**
a	**Về đất**				
1	Diện tích thu hồi (tự nguyện hiến đất)	m^2	9,40		
2	Loại đất:				
2.1	Đất ở tại đô thị	m^2	9,40		
	Vị trí: Vị trí 1, đường nhánh cạnh nhà nghỉ Hoa Ban (Giáp BCH QS tỉnh), đoạn tiếp giáp đường 30/4 đến tiếp giáp trường Tiểu học San Thàng				
	Nguồn gốc: Đất ông Vàng Văn Kết đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **BM034620**, gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp.				

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4*5*
b	**Về tài sản vật kiến trúc** (hỗ trợ theo Điểm c, Khoản 7, Điều 21, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu): *Tài sản do ông Vàng Văn Kết xây dựng trước năm 2013, không bị lập biên bản về xử lý vi phạm về xây dựng, xây dựng đúng mục đích sử dụng đất, trước kế hoạch sử dụng đất, hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường)*				**510.510**
1	Kè đá xây (0,5*1,0*2,6)	m^3	1,30	392.700	510.510
2	Tấm đan bê tông cốt thép (2,6*2,1*0,1)	m^3	0,55	1.393.700	0
4	**Đối với hộ ông Vùi Văn Hủ**				
	Địa chỉ thường trú: Bản Tả Xin Chải - phường Đông Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**43.385.435**
a	**Về đất**				
1	Diện tích thu hồi (tự nguyện hiến đất)	m^2	44,40		
2	Loại đất:				
2.1	Đất ở tại đô thị	m^2	44,40		
	Vị trí: Vị trí 1, đường nhánh cạnh nhà nghỉ Hoa Ban (Giáp BCH QS tỉnh), đoạn tiếp giáp đường 30/4 đến tiếp giáp trường Tiểu học San Thàng				
	Nguồn gốc: Đất ông Vùi Văn Hủ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **CQ331215,** sử dụng ổn định, không tranh chấp.				
b	**Về tài sản vật kiến trúc** (hỗ trợ theo Điểm c, Khoản 7, Điều 21, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu): *Tài sản do ông Vùi Văn Hủ xây dựng trước năm 2004, không bị lập biên bản về xử lý vi phạm về xây dựng, xây dựng đúng mục đích sử dụng đất, trước kế hoạch sử dụng đất, hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường)*				**41.717.435**
1	Trụ cổng xây gạch đỏ (0,45*0,45*2,5)*2	m^3	1,01	987.800	1.000.148
2	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m^2	2,00	48.400	96.800
3	Tường xây gạch đỏ T11 (0,9*8,0)+(0,6*1,5)	m^2	8,10	273.900	2.218.590
4	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (8,0*0,5)	m^2	4,00	83.600	334.400
5	Trụ cổng xây gạch đỏ (0,35*0,35*2)	m^3	0,25	987.800	242.011
6	Trát VXM không đánh màu (2,5*2,5)+(1,4*2)	m^2	9,05	27.500	248.875
7	Hàng rào sắt (Tính Hỗ trợ di chuyển = 30% đơn giá bồi thường hàng rào liền trụ)(1,4*10)	m^2	14,00	181.500	2.541.000
8	Tấm đan bê tông cốt thép dày 10cm (3,3*2,2*0,1)	m^3	0,73	1.393.700	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4*5*
9	Cổng sắt (Tính Hỗ trợ di chuyển = 30% đơn giá bồi thường hàng rào liền trụ) (2,8*2,2)	m^2	6,16	181.500	1.118.040
	Tài sản ảnh hưởng				
1	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (12,0*1,0)	m^2	12,00	83.600	1.003.200
b2	**Tài sản, vật kiến trúc (Thu hồi bổ sung)**				
1	Bán mái xây gạch đỏ T11 mái lợp tôn nên láng VXM cao 3.4m (6.5*0.7)	m^2	4,55	563.200	2.562.560
2	Tường xây gạch đỏ T11 (6.0*2.0)+(10.5*2.4)+(9.0*1.0)	m^2	46,20	273.900	12.654.180
3	Trát VXM không đánh màu ((6.0*1.7)*2)+((10.5*1.9)*2)+((9.1*1.0)*2)+((0.35*1.9)*12)	m^2	86,48	27.500	2.378.200
4	Cổng, hàng rào sắt (Tính Hỗ trợ di chuyển = 30% đơn giá bồi thường hàng rào liền trụ) (2.4*1.0)+(9.0*1.2)	m^2	13,20	181.500	2.395.800
5	Bán mái khung sắt lợp tôn (11.0*1.1)	m^2	12,10	334.400	4.046.240
6	Nền láng VXM dày 3cm (10.5*1.1)	m^2	11,55	39.600	457.380
7	Lu sơn tường các loại (10.5*1.9)	m^2	19,95	24.200	482.790
8	Trụ cổng bê tông cốt thép (0.35*0.35*2.5)*3	m^3	0,92	1.393.700	1.280.462
	Tài sản ảnh hưởng				
1	Bán mái xây gạch đỏ T11 mái lợp tôn nên láng VXM cao 3.4m (6.5*0.7)	m^2	4,55	563.200	2.562.560
2	Bán mái khung sắt lợp tôn (11.0*1.0)	m^2	11,00	334.400	3.678.400
3	Nền láng VXM dày 3cm (10.5*1.0)	m^2	10,50	39.600	415.800
c	**Về cây cối hoa màu**				**1.668.000**
1	Chậu cây cảnh (tính hỗ trợ di chuyển)	Chậu	30,00	24.000	720.000
2	Cây ăn quả trồng hạt NT 4	Cây	1,00	192.000	192.000
3	Hoa cây cảnh trồng theo hàng dài	m^2	9,00	84.000	756.000
5	**Đối với hộ gia đình ông Trịnh Quang Hiệp**				
	Địa chỉ thường trú: bản Tả Xin Chải - phường Đông Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**11.306.619**
a	**Về đất**				
1	Diện tích thu hồi (tự nguyện hiến đất)	m^2	7,10		
2	Loại đất:				
2,1	Đất ở tại đô thị	m^2	7,10		
	Vị trí: Vị trí 1, đường nhánh cạnh nhà nghỉ Hoa Ban (Giáp BCH QS tỉnh), đoạn tiếp giáp đường 30/4 đến tiếp giáp trường Tiểu học San Thàng				

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4*5*
	Nguồn gốc: Đất ông Trịnh Quang Hiệp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **BC321589**, gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp.				
b	**Về tài sản vật kiến trúc** (hỗ trợ theo Điểm c, Khoản 7, Điều 21, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu): *Tài sản do ông Trịnh Quang Hiệp xây dựng năm 2018, không bị lập biên bản về xử lý vi phạm về xây dựng, xây dựng đúng mục đích sử dụng đất, trước kế hoạch sử dụng đất, hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường)*				**11.268.219**
1	Bán mái xây gạch đỏ T11 mái lợp tôn, nền lát gạch liên doanh (3.5*0,7) Cao 3,4m	m^2	2,45	633.600	1.552.320
2	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (6.9*1.0)	m^2	6,90	83.600	576.840
3	Cửa sắt xếp (Tính bằng những hạng mục xây lắp di chuyển được hỗ trợ tháo lắp di chuyển: Cửa nhôm cuốn) (5,7*2,7)	m^2	15,39	290.400	4.469.256
4	Trát VXM không đánh màu (7,0*1,6)+(2,0*1,6)	m^2	14,40	27.500	396.000
5	Trụ cổng bê tông cốt thép (0,22*0,22*2,5)	m^3	0,12	1.393.700	168.638
6	Trụ cổng bê tông cốt thép (0,22*0,22*3,0)	m^3	0,15	1.393.700	202.365
7	Tường xây gạch bi T12 (7,0*1,8)	m^2	12,60	127.600	1.607.760
8	Lu sơn tường các loại (2,0*1,6)	m^2	3,20	24.200	77.440
	Tài sản ảnh hưởng				
1	Bán mái xây gạch đỏ T11 mái lợp tôn, nền lát gạch liên doanh (3.5*1.0) Cao 3,4m	m^2	3,50	633.600	2.217.600
c	**Về cây cối hoa màu**				**38.400**
1	Rau màu gối vụ (2,0*2,0)	m^2	4,00	9.600	38.400
6	**Đối với hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Măng**				
	Địa chỉ thường trú: bản Tả Xin Chải - phường Đông Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				**36.335.802**
a	**Về đất**				
1	Diện tích thu hồi (tự nguyện hiến đất)	m^2	110,40		
2	Loại đất:				
2,1	Đất ở tại đô thị	m^2	41,00		
2,2	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m^2	69,40		
	Vị trí: Vị trí 1, đường nhánh cạnh nhà nghỉ Hoa Ban (Giáp BCH QS tỉnh), đoạn tiếp giáp đường 30/4 đến tiếp giáp trường Tiểu học San Thàng				

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4*5*
	Nguồn gốc: Đất ông Nguyễn Xuân Măng đã được cấp GCN quyền sử dụng đất số **BC321366.** Đất gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp				
b1	**Về tài sản vật kiến trúc** (hỗ trợ theo Điểm c, Khoản 7, Điều 21, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu): *Tài sản do gia đình ông Nguyễn Xuân Măng xây dựng từ trước năm 2014, không bị lập biên bản về xử lý vi phạm về xây dựng, xây dựng đúng mục đích sử dụng đất, trước kế hoạch sử dụng đất, hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường)*				**28.619.802**
1	Tường xây gạch bi T12 (36*1,5)	m^2	54,00	127.600	6.890.400
2	Tường xây gạch bi T12 (1,3*1,8)	m^2	2,34	127.600	298.584
3	Cổng sắt (tính hỗ trợ di chuyển bằng 30% đơn giá bồi thường hàng rào liền trụ) (2,2*1,4)	m^2	3,08	181.500	559.020
4	Trụ cổng xây gạch bi (0,3*0,35*1,5)*2	m^3	0,32	546.700	172.211
5	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (1,6*2,2)	m^2	3,52	83.600	294.272
6	Khung sắt lưới B40 (cánh cổng) (1,4*1,3)	m^2	1,82	123.200	224.224
7	Trụ cổng xây gạch bi (0,2*0,25*1,5)*2	m^3	0,15	546.700	82.005
8	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	4,00	48.400	193.600
9	Tấm đan bê tông cốt thép (4,4*0,7*0,1)	m^3	0,31	1.393.700	-
10	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (1,0*14)	m^2	14,00	83.600	1.170.400
11	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	2,00	48.400	96.800
12	Cọc bê tông cốt thép (0,15*0,15*2)*2	m^3	0,09	1.393.700	125.433
	Tài sản ảnh hưởng				
1	Tường xây gạch bi T12 (1,8*1,0)	m^2	1,80	127.600	229.680
2	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (14*1,0)	m^2	14,00	83.600	1.170.400
b2	**Tài sản, vật kiến trúc (Nguyễn Minh Thắng)**				
1	Cổng Inox (Tính hỗ trợ di chuyển bằng 30% đơn giá bồi thường hàng rào liền trụ) (2,13*2,9)	m^2	6,18	181.500	1.121.126
2	Tấm đan bê tông cốt thép (0,2*0,9*4,1)	m^3	0,74	1.393.700	1.028.551
3	Trụ cổng bê tông cốt thép (0,4*0,4*2,5)*4	m^3	1,60	1.393.700	2.229.920
4	Hàng rào Inox (Tính hỗ trợ di chuyển bằng 30% đơn giá bồi thường hàng rào liền trụ (1,5*1,3)	m^2	1,95	181.500	353.925
5	Tường xây gạch bi T12 (1,5*0,7)	m^2	1,05	127.600	133.980
6	Ống PVC Φ110	m	5,00	49.091	245.455
7	Cổng Inox hàng rào (Tính hỗ trợ di chuyển bằng 30% đơn giá bồi thường hàng rào liền trụ (4,5*1,3)	m^2	5,85	181.500	1.061.775

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4*5*
8	Tường xây gạch bi T12 (4,5*0,6)	m^2	2,70	127.600	344.520
9	Rãnh xây hoàn chỉnh nắp bê tông	m	10,50	158.400	1.663.200
10	Máng tôn	m	10,50	48.300	507.150
11	Bán mái khung sắt lợp tôn (10,8*0,8)	m^2	8,64	334.400	2.889.216
12	Kè đá xây (12*0,5*0,3)	m^2	1,80	392.700	706.860
13	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (10,5*0,8)	m^2	8,40	83.600	702.240
14	Tường xây gạch bi T12 (1,0*1,5)	m^2	1,50	127.600	191.400
15	Rèm tôn (12*0,5)	m^2	6,00	57.000	342.000
	Tài sản ảnh hưởng				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (10,8*0,8)	m^2	8,64	334.400	2.889.216
2	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (10.5*0.8)	m^2	8,40	83.600	702.240
c1	**Về cây cối hoa màu (Nguyễn Xuân Măng)**				**7.716.000**
1	Chậu cây cảnh (tính hỗ trợ di chuyển)	Chậu	12,00	24.000	288.000
2	Cây cau đã cho thu hoạch (trồng hàng rào)	Cây	2,00	300.000	600.000
3	Cây cóc R=1-2m (trồng hàng rào) (Tính bằng đơn giá cây mắc cọoc R=1-2m)	Cây	1,00	360.000	360.000
4	Cây ổi R=1-2m	Cây	2,00	360.000	720.000
5	Cây nhãn R=2-4m	Cây	2,00	624.000	1.248.000
6	Cây vú sữa R=1-2m	Cây	1,00	360.000	360.000
7	Cây chùm ngây D=10-15cm (Tính bằng đơn giá cây Đỗ trọng D=10-15cm)	Cây	1,00	360.000	360.000
8	Cây bưởi R=1-2m	Cây	1,00	360.000	360.000
9	Cây ổi R=2-4m	Cây	1,00	480.000	480.000
10	Cây ăn quả trồng hạt NT 3	Cây	2,00	132.000	264.000
11	Cây vối NT3 (Tính bằng đơn giá cây Đỗ trọng trồng từ 2-3 năm)	Cây	1,00	120.000	120.000
12	Rau màu gối vụ	m^2	10,00	9.600	96.000
13	Cây nhãn R>4m	Cây	1,00	900.000	900.000
14	Cây mít R=1-2m	Cây	2,00	204.000	408.000
15	Cây ngũ gia bì	m^2	2,00	36.000	72.000
16	Cây cỏ voi	m^2	100,00	4.800	480.000
c2	**Về cây cối hoa màu (Nguyễn Minh Thắng)**				
1	Chậu cây cảnh (tính hỗ trợ di chuyển)	Chậu	25,00	24.000	600.000